



TẢO MỘ Ở MIỀN TRUNG VIỆT NAM

Michio Suenari*

Mở đầu

Bài viết này thảo luận về vấn đề tổ tiên người Việt ở miền Trung Việt Nam được nhận biết như thế nào trong việc tảo mộ dựa trên dữ liệu điền dã thu thập được ở một làng nông nghiệp vùng ngoại ô Huế. Kết quả nghiên cứu sẽ được đối sánh với các trường hợp tại những khu vực khác của Việt Nam cũng như những xã hội Đông Á khác nhằm định vị nét đặc trưng trong cái nhìn bao quát hơn về hệ thống huyết tộc ở Đông Á.

Cho đến nay, có rất ít công trình về tảo mộ được xuất bản mặc dù thờ cúng tổ tiên nói chung là một chủ đề quen thuộc. Đặc biệt, chưa có ai nêu lên xu hướng mai một thông tin về tổ tiên giữa các thế hệ. Một số nhà nghiên cứu về quan hệ dòng họ đã lưu ý đến “cấu trúc rỗng” [“blank structure”] thường tìm thấy trong gia phả của người Việt. Sự thờ ơ này có thể liên quan đến việc thiếu vắng cuộc thảo luận về hai loại gia phả với tư cách là một hệ thống kết cấu dòng họ rộng lớn hơn¹.

1. Quá trình tảo mộ

1.1. Tảo mộ vào cuối năm

Người Kinh tiến hành tảo mộ theo mùa vào tháng Chạp, đối ngược với người Hoa tảo mộ vào tiết Thanh minh². Điều này phản ánh quan niệm của họ là muốn tổ tiên của mình về chung hưởng với gia đình trong dịp Tết (Tết Năm mới). Họ định ra một số ngày theo lịch âm để thờ cúng theo dòng họ và các chi họ. Các phần mộ của vị thủy tổ và hậu duệ gần của thủy tổ (thường là các con trai) được đến thăm trước tiên. Sau khi đã làm lễ ở những ngôi mộ đó, họ quay về từ đường (memorial hall), làm lễ cúng và cùng nhau thụ lễ. Vào ngày kế tiếp (hoặc sau đó), các mộ phần của thủy tổ ngành cùng con cháu của họ sẽ được hậu duệ trực hệ

* Đại học Toyo, Nhật Bản.

trang trọng đến viếng. Số lượng mộ nhiều đến mức người ta thường phải mất vài ngày để hoàn thành việc thăm tất cả các phần mộ từ vị thủy tổ đến thế hệ gần nhất trong nghĩa địa.

Để giúp dễ hiểu hơn quá trình tương đối phức tạp với nhiều biến thể này, tôi sẽ trình bày một trường hợp của dòng họ PH mà tôi đã có điều kiện tham gia vào các năm 2006, 2007 và 2008³.

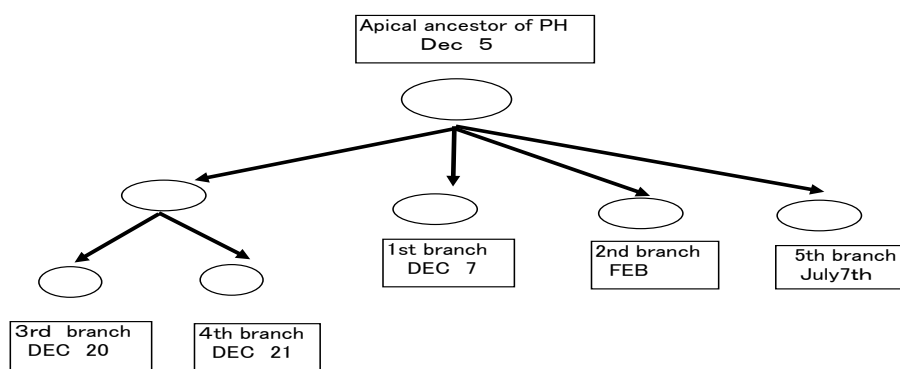


8 giờ sáng ngày 27 tháng Chạp năm 2007: Các con cháu dòng họ PH tề tựu tại từ đường để đi tảo mộ. Một tiếng trống ở sân từ đường báo hiệu bắt đầu lễ tảo mộ. 9 thanh niên với một cái cuốc cùng hai vị cao niên họ PH tập trung và khởi hành đến mộ cách đó khoảng 2km bằng xe đạp hoặc xe máy. Các chàng trai cầm chiếc cuốc trong tay và các cụ cao niên mặc áo chùng thâm mang hương và vàng mã. Xuống xe, họ phải xoay sở để bước qua cánh đồng lầy lội vào nghĩa địa vì lúc này là mùa mưa. Đến mộ, một nhóm thanh niên bắt đầu làm cỏ bằng cuốc và đắp lại mộ. Làm xong việc sửa sang ngôi mộ, các cụ cao niên bắt đầu làm lễ cúng đơn giản mà trang trọng, gồm cả việc phủ phục 4 lần trên nền mộ. Những người khác chỉ đứng nhìn hoặc tiếp tục công việc dọn cỏ gần ngôi mộ của họ. Chỉ ít người vái một vái, sau nghi thức chính. Một người đốt một nắm hương, cắm lên mỗi nắm mộ kế bên một nén hương, không phân biệt các ngôi mộ đó có phải của họ hàng mình hay không.

Sau đó, họ chuyển sang điểm tiếp theo để làm một công việc giống hệt thế mà không làm bất kỳ nghi thức nào. Nhìn bề ngoài, dường như người ta dành nhiều công sức cho việc sửa sang phần mộ hơn là dành cho việc cầu khẩn các bậc tiên tổ nằm dưới mộ. Chỉ một vài người có mặt cầu khẩn hoặc làm một vài lễ nghi nào đó

ở một số ngôi mộ. Những ngôi mộ được tạo theo cách này chỉ là mộ các vị thủy tổ hoặc mộ tiên tổ gần mà họ có thể xác định được. Ở các thế hệ muộn hơn, như hầu hết các ngôi mộ của những thế hệ giữa được một trong số những người tham dự kính cẩn cắm một nén hương.

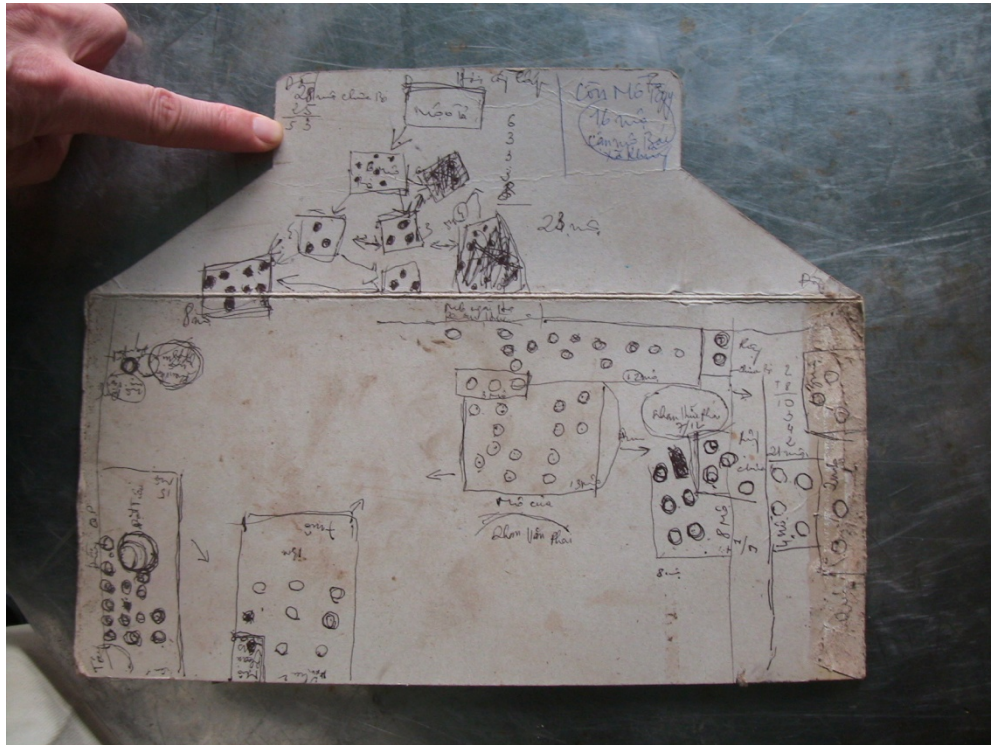
Dòng họ PH phân chia thành 5 chi (hình 1). Trong mùa tạo mộ, vào ngày đầu tiên họ làm lễ tại mộ thủy tổ dòng họ và tại bàn thờ ở từ đường của toàn họ. Những ngày tiếp theo, họ làm lễ ở các nhánh họ. Mỗi ngành/chi có nhà thờ riêng dành cho các nghi thức tạo mộ ở các nhánh nhỏ. Do chi họ có nhiều mộ hơn nên việc tạo mộ mất nhiều thời gian hơn. Đôi khi xuất hiện một họ được chia thành 3 cấp độ: dòng họ, chi họ, ngành – trong trường hợp các thành viên chi họ quá đông, không thể đảm bảo các hoạt động nhóm được nữa.



Hình 1: Thời gian tạo mộ của dòng họ PH và các chi họ

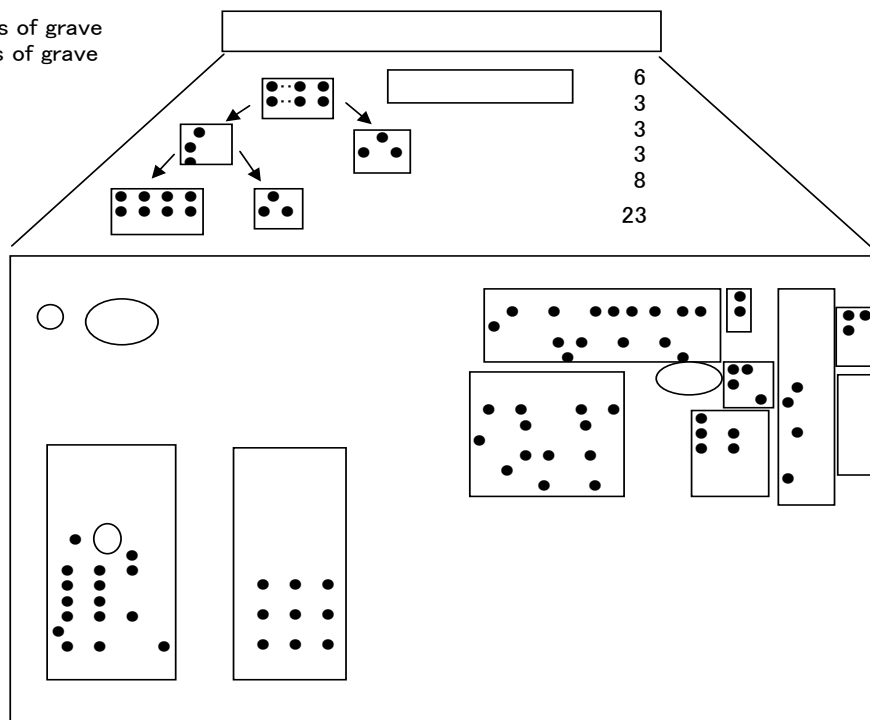
Sau khi đã tạo xong mộ thủy tổ của chi họ, những bậc cao niên đi tìm mộ của thế hệ sau với tấm bản đồ (hình 2) trong tay. Điều đáng chú ý là các hậu duệ hầu như không nhớ được tên hoặc những thông tin khác về các bậc tổ tiên dưới mộ. Mặc dù họ (cố gắng) phân biệt mộ tổ tiên mình với mộ tổ của người khác, nhưng ngay cả những người già cũng không thể cho tôi biết tên gọi, thứ thế hay bất kỳ thông tin cá nhân khác. Điều này cho thấy vấn đề không phải là tên riêng mà chỉ là tư cách thành viên trong nhóm họ hàng.

Tấm bản đồ ông già họ PH cầm không phải là một bản đồ được vẽ để biểu thị vị trí chính xác mà là một bản ghi nhớ phác họa đưa ra manh mối để định vị phần mộ tổ tiên mình đang nằm rải rác giữa vô số các nấm mộ của họ khác. Tôi nghe thấy họ thảo luận về hàng mộ nào đó trong nghĩa địa có tương ứng với hàng trong bản đồ hay không. Thông thường, những người cao niên của các họ khác thăm mộ mà không có bản ghi nhớ này làm manh mối để tìm ra tất cả các ngôi mộ tổ tiên, phụ thuộc vào truyền thống được thừa hưởng từ các bậc tiền nhiệm. Tôi ngờ rằng họ có thể nhầm lẫn, nhận mộ của người khác là mộ tổ của họ⁴.



LEGEND

- small mounds of grave
- large mounds of grave



Hình 2: Bản đồ các ngôi mộ

Phần lớn các nấm mộ không có bia đá ở trên khắc tên riêng hoặc những thông tin khác về người chết, trừ những ngôi mộ lớn của thủy tổ một dòng họ hay của những mộ mới làm gần đây của một gia đình giàu có. Đôi khi chúng tôi tìm

thấy một nấm mộ nhỏ với một bia đá cao khoảng 30cm, nhưng chúng tôi chỉ có thể nhìn thấy hoạ tiết hoa sen và tên dòng họ được khắc trên đó.



Họ táo mộ tại nghĩa địa trong một vài tiếng đồng hồ và trở về từ đường. Những người phụ nữ trong họ bận rộn chuẩn bị đồ lễ và bữa cỗ sau đó. Một hoặc một số vị cao niên làm một loạt lễ ở các ban thờ tổ, nơi đồ lễ được bày biện. Họ cũng dâng lễ vật và thắp hương cúng các vong hồn và các vị thần khác được thờ tại *am* (ban thờ) ở sân. Họ soạn một mâm cúng ma đói và các vị thần chủ trong sân.



1.2. Táo mộ trong dịp khác

Họ thường thăm mộ vào những dịp khác như ngày giỗ, Tết, hay *tạ mộ* (謝墓 nghi thức đặc biệt để “tạ mộ”). Hầu hết những dịp này được tiến hành đối với

phần mộ các vị tiên tổ thuộc thế hệ gần hơn. Vì vậy, sẽ không có vấn đề gì trong việc định vị và xác định mộ phần.

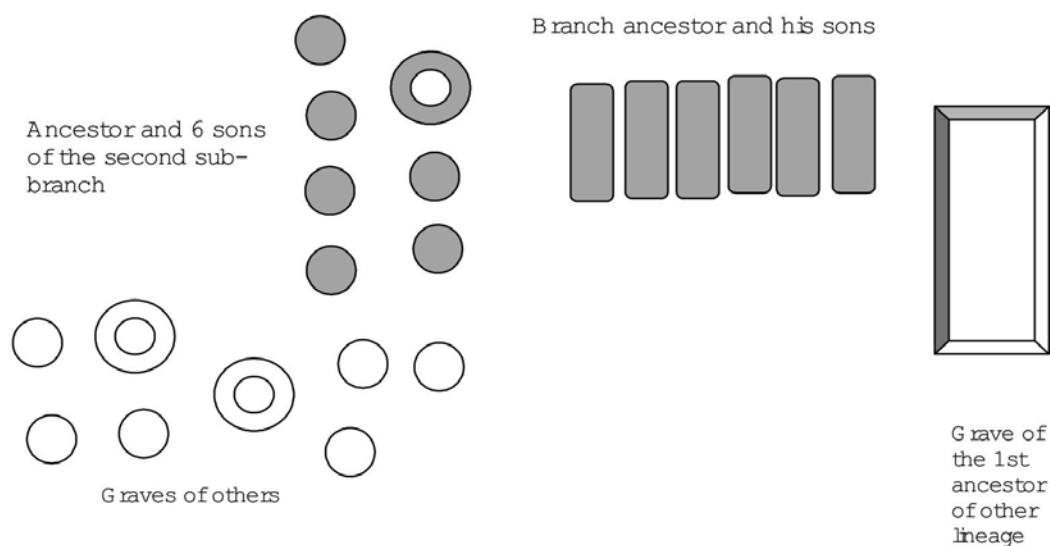
2. Những đặc điểm nổi bật về tổ tiên người Việt

2.1. Ở lễ tảo mộ

Điều làm tôi chú ý khi quan sát lễ tảo mộ là sự ít chú tâm vào việc dò tìm vị thủy tổ thông qua tri thức phả hệ cụ thể. Những người cung cấp thông tin (không chỉ người trẻ mà cả người già) dường như không quan tâm đến việc xác định các thông tin cá nhân (tên gọi, thứ thế, mối quan hệ họ hàng với họ, v.v...) đối với những ngôi mộ ở các ngành thấp hơn. Chỉ khi chúng tôi tới các phần mộ của bậc thấp nhất trong các thế hệ gần hơn (ông bà, cha mẹ), họ mới có thể xác định các nắm mộ với những thông tin cá nhân và kể ra tên cũng như mối quan hệ họ hàng với mình. Ngoài việc thắp một nén nhang, họ còn thể hiện lòng tôn kính với ngôi mộ, dù ngắn và không nghi thức.

Khi so sánh với các trường hợp của những họ khác trong làng, chúng tôi có thể nhận thấy sự biến đổi nào đó về mức độ thờ ơ của các dòng họ.

Ở một thái cực là trường hợp dòng họ PN – những người thậm chí không thể nhớ vị trí chính xác của thủy tổ trong một hàng 6 ngôi mộ (hình 3). Về sau, tôi phát hiện ra rằng dòng họ này có một vị tổ tiên từng làm quan viên trong làng vào thời kỳ khởi nghĩa Tây Sơn, điều này làm cho phả hệ của họ về các vị tiên tổ trở nên không rõ ràng vì lo sợ việc bị triều Nguyễn truy lùng những kẻ phản bội. Đây có thể là lý do vì sao câu trả lời của họ không rõ ràng ngay cả trong việc xác định mộ thủy tổ của mình.



Hình 3: Vị trí các ngôi mộ của dòng họ PN

Ngược lại, phần lớn các nấm mộ của dòng họ NV được nhớ rõ. Trường hợp ngoại lệ này bắt nguồn từ thực tế cụ ông của họ định cư ở làng. Không chỉ vì dòng họ này có ít đời mà cả truyền thống hay chữ cũng khiến họ lưu giữ được gia phả và thông tin rõ ràng hơn. Con cái của họ có xu hướng có học vấn cao hơn các gia đình khác⁵. Những yếu tố này làm cho trường hợp này trở thành điển hình, ngược

với lại nhìn nhận của tôi về sự thiếu hiểu biết về các vị tiên tổ ở lớp giữa trong làng. Chúng ta nên tìm hiểu trường hợp tương tự như đã nói ở trên để xem liệu họ có tiếp tục lưu giữ ký ức rõ nét về các vị tổ tiên, thậm chí sau 4 thế hệ không. Xem xét ví dụ của làng này, tôi đồ rằng khả năng đó rất thấp, bởi vì chúng tôi không thấy một trường hợp như thế trong các dòng họ có lịch sử nhiều thế hệ hơn ở làng.

2.2. Trong gia phả

Sự không quan tâm đến thông tin cá nhân của các vị tổ tiên giữa, các tổ tiên gần và thủy tổ phản ánh cấu trúc “rỗng giữa” [“middle blank”] (Suenari 1998: 308). Chúng ta có thể tìm thấy một số gia phả trong đó chỉ có thủy tổ và các vị tiên tổ gần đây (bốn thế hệ) được mô tả, còn các vị tiên tổ ở những thế hệ giữa bị bỏ qua. Thường xuyên hơn, chúng tôi tìm được gia phả trong đó chỉ những vị tiên tổ gần đây được nhắc đến.

2.3. Tại một bàn thờ tổ tiên

Chúng ta có thể tìm thấy một điểm đặc trưng thú vị trong cách sắp đặt các bát hương trên bàn thờ gia đình. Trong khi bát hương của hai thế hệ gần với ngày nay được đặt ở bên trong bàn thờ, thì hai thế hệ xa hơn được đặt ở bát hương *hội đồng*⁶ ở bàn thờ trước. Điều này có thể được diễn giải như là một quá trình làm loãng cái cá nhân khi khoảng cách phả hệ tăng lên (Suenari 2007).

3. So sánh với các trường hợp khác ở Đông Á

Đặc trưng không quan tâm dò tìm tiên tổ ở những thế hệ giữa gây cho tôi ấn tượng mạnh khi so sánh với những kinh nghiệm điền dã của bản thân ở Hàn Quốc, Đài Loan hoặc miền Nam Trung Hoa. Mặc dù chúng tôi có thể thừa nhận rằng trong những xã hội này, phần giữa của phả hệ dễ bị quên hơn, để để lại một ký ức mập mờ, song họ đã nỗ lực để truy tìm và bổ sung cho sự không rõ ràng, đôi khi nhờ việc sử dụng phương thức suy diễn. Ở đây chúng ta có thể nhận ra một sự tương phản mạnh mẽ trong sự nhận biết phả hệ giữa cấu trúc mơ hồ ở phần giữa của người Việt Nam và cấu trúc tiếp nối liên tục trong các xã hội Đông Á khác.

Chẳng hạn, người Hàn Quốc điển hình trong việc cố gắng truy nguyên thế hệ của mình đến vị thủy tổ một cách liên tục. Kết quả là họ đã tạo ra một cuốn phả hệ đồ sộ hoặc là một mẫu hình nghĩa địa dòng tộc trên đồi đặt các phần mộ hướng xuống dưới theo thứ thế⁷. (Suenari 1975, 1985)

3.1. Trường hợp Hàn Quốc

Lễ tảo mộ của người Hàn Quốc bắt đầu vào khoảng mùa *Chu sok* (lễ hội Trăng ngày mùa [Harvest moon festival]).

Một nhóm hậu duệ nam giới thăm các ngôi mộ tổ tiên, trước tiên từ vị thủy tổ, sau đó đến các phần mộ thuộc thế hệ muộn hơn. Đến một phần mộ, họ sửa sang nấm mộ bằng việc cắt cỏ mọc um tùm trong suốt mùa hè và sau khi đặt lễ vật, họ cùng nhau thực hiện một lễ cúng trang trọng. Đối với các vị tiên tổ muộn hơn, nhóm người này chia ra thành các nhóm nhỏ theo các chi họ. Đáng lưu ý là họ tiến hành cúng lễ long trọng với lễ vật (thường đơn giản hơn nhiều so với lễ vật tại mộ thủy tổ), dù là họ không thể nhớ tên hay mối quan hệ họ hàng chính xác. Dù cả người Hàn Quốc và Việt Nam đều có ký ức mơ hồ về tổ tiên thuộc các thế hệ muộn hơn, những người cấp tin người Hàn Quốc cố gắng nhớ được ít nhất là thứ thế trong khi người Việt Nam thể hiện nỗ lực đó hoàn toàn khác.

Mặc dù chúng ta có thể nhận thấy sự khác biệt nổi bật mang tính giai tầng của tục lệ ở Hàn Quốc, tôi có thể nhận thấy giữa Yang ban (nhóm người ưu tú có học thức) và những người bình dân đều có những điểm cơ bản giống hệt nhau⁸.

3.2. Trường hợp Trung Quốc

Dòng họ người Trung Quốc cũng được tổ chức theo nguyên tắc tổ tiên theo dòng cha giống như người Hàn Quốc. Họ xây mộ riêng và cùng tảo mộ bắt đầu từ vị thủy tổ. Họ khác với trường hợp Hàn Quốc ở chỗ Thanh minh (một lễ hội mùa xuân tương ứng với Lễ Phục sinh) là tiết tảo mộ và lễ vật thường được các hộ gia đình chuẩn bị riêng rẽ.⁹

Điểm khác biệt lớn là người Trung Quốc không sốt sắng lắm trong việc giữ phần mộ của các vị tiên tổ một cách liên tục. Nhiều yếu tố (chiến tranh, di cư, nạn đói v.v...) có thể đã làm họ thoái chí trong việc dò tìm phần mộ nguyên vẹn của các vị tổ tiên xa của mình trong dòng chảy lịch sử lâu dài. Ngoài những điều kiện khách quan này, nguyên tắc thừa kế mang tính bình đẳng bên vững có thể đã cản trở sự liên tục của tính nguyên vẹn mộ tổ như trường hợp của Hàn Quốc – nơi người con trai trưởng được thừa kế một phần đáng kể vì trách nhiệm thờ cúng tổ tiên.

3.3. Trường hợp Nhật Bản

Thoạt nhìn, trường hợp Nhật Bản có vẻ nằm trong nhóm Hàn Quốc, Trung Quốc; nhưng nhìn gần hơn có thể thấy rõ hơn nét tương đồng với trường hợp Việt Nam ở một số điểm.

Với hệ thống Ie, người Nhật cố truy nguyên vị thủy tổ của mình, lần theo dòng phả hệ Ie một cách liên tục – điều này khiến chúng tôi cảm thấy có sự tương đồng với những người sống trong các xã hội phụ hệ như Hàn Quốc hoặc Trung Quốc¹⁰. Tuy nhiên, khuynh hướng này chỉ được nhận thấy ở trong những gia đình thuộc tầng lớp trên và trở nên phổ biến hơn sau cải cách Minh Trị. Có rất ít bằng chứng chứng tỏ sự hiện diện của tính bền vững của dòng họ giữa những người bình dân ở Nhật. Chỉ từ giữa thời kỳ Minh Trị, “mộ gia đình” [“family grave”]

mới trở nên phổ biến ở Nhật Bản (Fukuda 2004:9). Các phần mộ cá nhân là bình thường và hiếm có trường hợp nào về nghĩa địa chung của kiểu dòng giống, hoặc về phong tục tảo mộ thăm viếng tất cả những tiên tổ đáng kính được ghi nhận. Ngay cả ở hiện tại, hầu hết người Nhật sẽ không lần ngược về các vị tiên tổ vượt ngoài thế hệ cụ nếu không có sự trợ giúp của các sổ sách gia đình chính thức [*koseki* hoặc *kakochō*] hay gia phả vốn chỉ được lưu giữ ở một số ít gia đình đặc biệt¹¹. Trên cơ sở nghiên cứu tỷ mỉ của mình về bài vị tổ tiên ở Nhật Bản, Smith (1974) đã chỉ ra sự biến đổi mạnh mẽ của tục thờ cúng tổ tiên, điều làm cho chúng tôi khó có thể khái quát hoá sự nhận biết tổ tiên của người Nhật trong một mô hình. Như vậy, hiểu biết của người Nhật về tiên tổ dường như không sâu hơn so với người Việt Nam, mặc dù người Nhật cùng tưởng nhớ các vị tiên tổ dưới cái tên của các tổ tiên của mỗi thế hệ.

4. Ba dạng truy nguyên tổ tiên

Đối sánh với tục tảo mộ ở các xã hội Đông Á, chúng tôi nhận thấy có một sự biến đổi lớn trong việc nhận biết về các tổ tiên ở các xã hội Đông Á, mặc dù họ chia sẻ ảnh hưởng của nguyên tắc Nho giáo về thờ cúng tổ tiên được định hình ở Trung Quốc cổ đại trong quá khứ. Mô hình phân tích nào đó sẽ hữu ích trong việc nắm bắt sự khác biệt ở những xã hội chia sẻ những thành tố giống nhau. Sự khác biệt dường như là trong cách lựa chọn và sắp đặt các thành tố đó. Mô hình đó sẽ hữu ích không chỉ cho việc so sánh với những xã hội khác biệt, mà còn cho cả việc xác định đóng góp của những yếu tố và phương thức khác nhau bên trong một xã hội.

Chúng tôi đã phát hiện ra 3 kiểu trong mối quan hệ của con cháu hướng đến tổ tiên của họ trong việc tảo mộ.

Kiểu α là một hệ thống tảo mộ, trong đó các vị tiên tổ được cho là có danh tính và được đặt trong dòng phả hệ liên tục của những cá nhân cụ thể. Ngay cả khi một vài vị tiên tổ đã xa đến mức những ký ức sống động về họ đã mất đi, họ vẫn được nhận biết từng người một qua việc giả định thế thứ. Như vậy, con cháu có thể tìm ra tiên tổ liên tục từ thế hệ này qua thế hệ khác, tới vị thủy tổ.

Kiểu β là một hệ thống tảo mộ, trong đó một số vị tiên tổ có thể được nhận biết chung mà không có danh tính riêng, ngoại trừ họ là một trong hàng loạt các vị tổ tiên nói chung. Ở dạng này, hậu duệ đầu sao cũng nhận ra một vị tiên tổ với hiểu biết phả hệ mơ hồ là tổ tiên của mình và thờ hội đồng.

Kiểu γ là một hệ thống tảo mộ, trong đó các vị tiên tổ được nhận biết và thờ cúng chỉ ở một số thế hệ. Khi ký ức về họ bị mai một trong tâm trí cháu con, mộ phần hoặc di vật khác của họ bị bỏ mặc cho sự huỷ hoại của tự nhiên.

Mặc dù dạng α chỉ tồn tại về mặt ý thức hệ giữa tầng lớp trên ở Nhật Bản hoặc Việt Nam, nó vẫn chưa lan rộng đến mức tác động tới hoạt động của đời sống bình thường giữa những người bình dân. Dạng γ dường như thịnh hành

ngay cả trong các xã hội Đông Á, không chỉ thời gian gần đây mà cả trong quá khứ khi truyền thống có ảnh hưởng lớn trong đời sống xã hội. Tôi ngờ rằng ảnh hưởng của lễ nghi Nho giáo ở Nhật Bản yếu nhất Đông Nam Á và dạng γ có thể đã phổ biến cho đến khi hệ thống Ie thắng thế. Dạng α có thể đã diễn ra với lớp người ưu tú. Mặt khác, dạng α đã được chia sẻ về mặt ý thức hệ giữa toàn thể xã hội ở Hàn Quốc, Đài Loan hoặc Nam Trung Quốc như là một dạng lý tưởng. Dù cho kiểu β đồng tồn tại, thì kiểu α đã được lựa chọn như là một chỉ dẫn cơ bản cho các hoạt động xã hội, miễn là có các điều kiện cho phép.

Tuy nhiên, tôi không phủ nhận rằng khả năng chuyển đổi của dạng lý tưởng từ kiểu α sang kiểu γ hoặc sự suy tàn của tục thờ cúng tổ tiên với sự biến đổi căn bản của xã hội bị thúc đẩy bởi “chính sách một con” (single child policy), đô thị hoá, hoặc toàn cầu hoá ở Hàn Quốc hay Trung Quốc.

Kết luận

Cuối cùng, chúng tôi có thể rút ra những điểm sau:

1) Dữ liệu điền dã tại làng Thanh Phước (Huế) gợi mở về sự hiện diện của đặc trưng mất mát thông tin cá nhân của các vị tổ tiên giữa thủy tổ với các bậc tổ gần đây. Mô hình tương tự cũng được tìm thấy ở làng Triều Khúc (ngoại thành Hà Nội).

2) Việc đối sánh với tục tảo mộ ở các xã hội Đông Á khác chứng tỏ Việt Nam là trường hợp độc đáo, ngược với Hàn Quốc và Hán Trung Hoa. Trường hợp Nhật Bản dường như chia sẻ một số nét tương đồng với trường hợp Việt Nam.

3) Nét đặc trưng cũng được tìm thấy trong “cấu trúc rỗng” ở một số cuốn gia phả và trong cách sắp xếp bát hương trên bàn thờ gia đình ở miền Trung Việt Nam.

4) Việc phân loại thành 3 dạng α , β , và γ sẽ hữu ích để hiểu thấu đáo hơn hiện tượng này. Nó có ích không chỉ với tư cách là một manh mối giúp nắm bắt đặc trưng của quan niệm về tổ tiên giữa những xã hội Đông Á, mà còn là một công cụ phân tích để hiểu sự biến đổi của quan niệm đó bên trong một xã hội cũng như quá trình thay đổi của nó.

CHÚ THÍCH

- ¹ Thảo luận về việc hai loại gia phả (loại hướng về tổ tiên [ancestor oriented type] và loại hướng về cái tôi [ego oriented type] đồng tồn tại ra sao trong hệ thống họ hàng người Việt và nguyên nhân của nó sẽ hữu ích hơn là nhìn chúng một cách riêng rẽ.
- ² Lễ tảo mộ ở làng Triều Khúc (ngoại thành Hà Nội) được thực hiện vào ngày Đông chí. Một số người cấp tin gọi dịp này là “Thanh minh”, có thể liên tưởng đến lễ tảo mộ của người Trung Hoa được tổ chức vào ngày “Thanh minh” trong tháng tư.

- ³ Công việc điền dã ở *Thanh Phước* bắt đầu từ mùa hè năm 2003. Tôi tiến hành nghiên cứu ngắn hạn, trong khoảng 1 tháng vào các kỳ nghỉ hè và nghỉ đông cho đến khi nghiên cứu dài hạn hơn (từ tháng 10 năm 2005 đến tháng 9 năm 2006) và một số tháng trong năm 2007. Tôi không thể ở lại làng trừ một số dịp do quy định đối với nhà nghiên cứu nước ngoài. Từ thành phố Huế, tôi đi xe đạp điện hoặc taxi mất 40 phút đến làng để hỏi chuyện. Chủ đề nghiên cứu chính là cấu trúc xã hội và các hoạt động tôn giáo. Ngoài làng Thanh Phước, tôi cũng đi tới các làng lân cận người Kinh, người Minh Hương, người Hoa ở vùng khác và các gia đình người Kinh ở thành phố. Suốt thời kỳ ở Huế, tôi mất khá nhiều thời gian chuẩn bị và tham gia các “hội thảo” được tổ chức một số lần vốn là yếu tố cản trở tôi tập trung vào kiểu điền dã kinh điển ở một cộng đồng đơn nhất.
- ⁴ TS. Miyazawa Chihiro đã tận tình kể cho tôi nghe về một trường hợp thú vị trong chuyến điền dã của ông tại tỉnh Bắc Ninh để chỉ ra sự không chắc chắn trong việc xác định phần mộ của hai vị tổ. Ông quan sát thấy một người làng rút nén hương đã cắm trên nấm mộ ra, nói rằng: “Ồi trời, một người họ khác đã nhầm ngôi mộ là mộ tổ của họ rồi!”.
- ⁵ Họ là những người đầu tiên đi học đại học ở thành phố Huế và trở thành những cán bộ của làng.
- ⁶ Khái niệm *hội đồng* có nghĩa là một nhóm người (như một uỷ ban). Một bát hương *hội đồng* được dùng để thờ cúng tất cả các vị tiên tổ hoặc đôi khi là các vị thần được thờ cùng trên bàn thờ gia tiên ở miền Bắc Việt Nam. Tuy nhiên, ở miền Trung Việt Nam, họ sử dụng các bát hương một cách đặc biệt hơn, với điều kiện là có các bát hương riêng cho tổ tiên thuộc hai thế hệ (cụ và kỵ).
- ⁷ Trường hợp họ có thể đáp ứng được với điều kiện một nghĩa địa dòng họ rộng lớn chỉ rất hiếm hoi. Mặc dù điều đó hiếm hoi, song việc nó được chia sẻ với tư cách là một trường hợp điển hình lại rất quan trọng.
- ⁸ Năm 1974, tôi đã có điều kiện quan sát một trường hợp điển hình tại một làng Yang ban (Suenari 1975) và 10 năm sau tôi tiến hành một chuyến điền dã tại một làng đánh cá nơi tôi có thể thấy rằng họ thăm tất cả các phần mộ một cách riêng rẽ, dù rằng nghi thức đơn giản hơn nhiều.
- ⁹ Suenari (1978).
- ¹⁰ Chúng tôi không thể xem xã hội Nhật Bản là phụ hệ bởi vì hậu duệ theo dòng cha không phải là nguyên tắc bắt buộc đối với thành viên nhóm người. Con của con gái, hoặc thậm chí những người không phải họ hàng có thể chính thức thừa kế *Ie*. Cf. [Nakane (1970) chap. 3]. Nhưng việc hệ thống của người *Ie* mang nét tương đồng nào đó với hệ thống phụ hệ như là kết quả hôn nhân thường xuyên là có thật.
- ¹¹ Hầu hết *keizu* (sổ sách ghi chép phả hệ của gia đình) được viết sau cải cách Minh Trị khi hệ thống *Ie* được khẳng định chính thức. Tuy nhiên, thậm chí cả sau đó, đa số gia đình vẫn không chú tâm lắm đến việc dành tiền để lập *keizu* của chính mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] ボクヘベン、ヨルン (Joren Bokheven).
- [2] 2005 『葬儀と仏壇』 (*Funeral and family altar*) 岩田書院 (Iwata shoin).
- [3] 福田アジオ (Fukuda Ajio).
- [4] 2004 『寺・墓・先祖の民俗学』 (*Folklore of temple, grave, and ancestor*) 大河書房 (Taiga shobo).
- [5] 中根千枝 (Nakane Chie).
- [6] 1970 『家族の構造』 (*The Structure of Family*) 東京大学出版会 (Tokyo Daigaku Shuppankai).
- [7] スミス、ロバート (Smith, Robert).
- [8] 1983. 前山隆訳 『現代日本の祖先崇拜文化人類学からのアプローチ』 御茶ノ水書房 (1974 Ancestor Worship in Contemporary Japan, Stanford University Press).
- [9] 末成道男 (Suenari Michio).
- [10] 1975 「韓国安東地方における眞城李氏の墓祀について」 (*On the grave worship of the Chin Song I shy of Andong district in Korea*) 『東京大学教養学部教養学科紀要』 (Tokyodaigaku Kyoyogakubu Kyoyogakka Kiyo) 7:59-69.
- [11] 1978 「漢人の祖先祭祀 - 中部台湾の事例より (その2)」 (*The Ancestral Cult among the Han Chinese: On the case of Central Taiwan Part II*) 『聖心女子大学論叢』 (Seishin Studies) 52:5-55.
- [12] 1985 「東浦の祖先祭祀 - 韓国漁村調査報告」 『聖心女子大学論叢』 65:5-96 1986
Continuity and Change of Ancestor Worship in East Asia: A Comparative Study of Memorial Tablet. Han, Sang-bok Ed. *Asian Peoples and their Cultures: Continuity and Change*, Seoul National University Press." 1986.10.30.
- [13] 1988 「<家祠>と<宗祠> - 二つのレベルの祖先祭祀空間」 ("Family Altar" and "Ancestral Hall": The two levels of spaces for the Ancestral Cult) 『文化人類学』 (Bunk Jinruigaku) 5 : 35-49. (アカデミア出版 Akademia Shuppan).
- [14] 1995 「ベトナムの『家譜』」 (*Vietnamese Family Record*) 『東洋文化研究所紀要』 (Toyo Bunkakenkyusho Kiyo) 127:1-43.
- [15] 1998 『ベトナムの祖先祭祀：潮曲の社会生活』 (*Social Life and ancestors in a Vietnamese village on the outskirts of Hanoi*) 風響社 (Fukyosha).
- [16] 1998 *Unilateral kindred: a reconsideration in East Asian Societies. Bulletin of the National Museum of Ethnology, Special Issue.*

- [17] 2003 「中部ベトナムにおけるアム（庵）の素性」『研究年報』東洋大学アジア・アフリカ研究所 (Annual Journal of the Asian Cultural Research Institute, Toyo University) 37: 40–52.

2007 「ベトナム中部における祖先祭祀 - フエ郊外清福村の家庭祭壇の事例より - 」
(Ancestral Cult among the Kinh people in the Central Vietnam: a case study at Thanh Phuoc Village on the outskirts of Hue city.) 『東洋大学学術フロンティア報告書』 (Bulletin of Academic Frontier Project) 東洋大学アジア・アフリカ研究所 (Asian Cultural Research Institute, Toyo University) 2006: 69–98.